

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **43/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 27/7/2020

V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Kim Cúc - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Minh

2. Bà Nguyễn Thị Doãn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân quận Hoàng Mai - thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai - thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Bùi Vũ Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 322/2020/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị Thu H - Sinh năm 1971(có mặt)

HKTT và nơi ở: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên

Bị đơn: Anh Nguyễn Khánh T - Sinh năm 1960(xin vắng mặt)

HKTT và nơi ở: Số 52 ngõ 165 , phường G, quận H, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện gửi cho Tòa án, cùng các lời khai trong quá trình***

giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị Thu H trình bày:

- **Về tình cảm:** Chị và anh Nguyễn Khánh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/4/1991 tại UBND phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Đây là lần kết hôn đầu tiên của vợ chồng chị. Sau khi kết hôn, anh, chị sống ở số 52 ngõ 165 Giáp Bát, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Ngay sau khi kết hôn thì giữa hai vợ chồng đã phát sinh rất nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H là do chồng chị là người nóng tính. Trong suốt thời gian chung sống, khi các con còn nhỏ thì chị phải ở nhà chăm sóc con cái, anh T là người đi làm nuôi gia đình nên chị bị phụ thuộc về kinh tế, chị không được giao lưu với bạn bè, không quan hệ với anh em họ hàng, gần như bị biệt lập, bị đối xử như người giúp việc. Vợ chồng cãi vã nhau thường xuyên phải nhờ đến chính quyền địa phương can thiệp, hòa giải nhưng không thành. Chị và anh T đã ly thân với nhau 13 năm, chị về quê ngoại sinh sống. Cuối tuần, có về thăm con. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ chung sống hạnh phúc. Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn anh Nguyễn Khánh T.

- **Về con chung:** Chị H xác nhận trong thời kỳ hôn nhân, anh chị có 02 con chung là Nguyễn Nam L, sinh ngày 29/12/1991 và Nguyễn Thành L, sinh ngày 23/12/2004. Cháu Nguyễn Nam L đã trưởng thành, có gia đình riêng, sức khỏe bình thường nên việc cháu ở với ai là quyền của cháu. Khi ly hôn, chị H cũng có nguyện vọng giao con chung là cháu Thành L cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: anh, chị tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung và nhà ở chung:** chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về các khoản nợ chung:** chị H xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn là anh Nguyễn Khánh T trình bày trong biên bản ghi lời khai của Tòa án:***

- **Về tình cảm:** Anh cũng xác nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, đã ly thân với nhau rất lâu. Nay chị H muốn ly hôn, anh cũng đồng ý nhưng do công việc rất bận nên anh xin vắng mặt trong toàn bộ các buổi hòa giải cũng như các phiên tòa của Tòa án.

- **Về con chung:** Anh T cũng xác nhận trong thời kỳ hôn nhân, anh, chị có 02 con chung là Nguyễn Nam L, sinh ngày 29/12/1991 và cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 23/12/2004. Cháu Nguyễn Nam L đã trưởng thành, có gia đình riêng, sức khỏe bình thường nên việc cháu ở với ai là quyền của cháu. Khi ly hôn, anh cũng có nguyện vọng giao con chung là cháu Thành L cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng anh, chị tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung và nhà ở chung:** anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về các khoản nợ chung:** anh T xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Tại phiên tòa:** chị Trương Thị Thu H vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Khánh T. Chị xác nhận, hai vợ chồng bà ly thân đã lâu, không còn khả năng đoàn tụ. Về con chung, tài sản chung và nhà ở chung, về nợ chung: bà giữ nguyên lời khai như bản tự khai đã nộp cho Tòa án không thay đổi gì.

- Bị đơn là anh Nguyễn Khánh T đã được Tòa án tổng đạt quyết định xét xử nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của các đương sự, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đề xuất hướng giải quyết vụ án như sau:**

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn và ly thân đã lâu, đến nay không còn tình cảm nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn với anh T.

+ Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thành L, sinh ngày 23/12/2004 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: anh T, chị H tự thỏa thuận nên tạm hoãn việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung của chị H kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Chị H có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung và nhà ở chung: chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về các khoản nợ chung: chị H và anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* **Về tố tụng:** chị Trương Thị Thu H xin ly hôn với anh Nguyễn Khánh T, anh Nguyễn Khánh T hiện trú số 52 ngõ 165, phường G, quận H, Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Khánh T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy báo đến Tòa án lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như các văn bản tố tụng khác nhưng ông T có đơn xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

*** Về quan hệ hôn nhân:**

Chị Trương Thị Thu H và anh Nguyễn Khánh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào 30/4/1991 tại UBND phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Do vậy, hôn nhân là hợp pháp.

Căn cứ vào lời trình bày của chị H, anh T và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: ngay sau khi kết hôn, vợ chồng anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, vợ chồng đã không còn thương yêu, tôn trọng và giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Hai vợ chồng anh, chị đã ly thân 13 năm, không ai quan tâm đến ai. Nếu duy trì hôn nhân cũng chỉ gây ức chế, căng thẳng cho các bên mà không đạt được mục đích là duy trì cuộc sống chung hoà thuận, hạnh phúc. Anh T cũng đồng ý ly hôn nhưng lại không lên Tòa án để làm việc, Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho các bên được, chứng tỏ mâu thuẫn đã rất trầm trọng, không có khả năng hàn gắn. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Thu H

*** Về con chung:** chị H và anh T cùng xác nhận trong thời kỳ hôn nhân có 02 con chung là Nguyễn Nam L, sinh ngày 29/12/1991 và Nguyễn Thành L, sinh ngày 23/12/2004. Con chung là Nguyễn Nam L đã trưởng thành, có gia đình riêng, sức khỏe bình thường nên việc cháu ở với ai là quyền của cháu. Khi ly hôn, chị H và anh T cùng có nguyện vọng giao con chung là cháu Thành L cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cấp dưỡng anh, chị tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Xét nguyện vọng nuôi con chung của chị H và anh T, hội đồng xét xử thấy: từ lúc hai anh, chị ly thân, cháu Nguyễn Thành L đều sống với bố đẻ là anh Nguyễn Khánh T và do anh T trực tiếp chăm sóc. Tại lời khai của cháu Nguyễn Thành L cũng có mong muốn được ở với bố. Chị H cũng có nguyện vọng cho cháu Thành L được ở với bố. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, cần giao con chung là cháu Nguyễn Thành L cho anh Nguyễn Khánh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Thành L đủ tuổi trưởng thành hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Chị H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị H và anh T không có yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung với chị H cho đến khi cháu Thành L đủ tuổi trưởng thành hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

*** Về tài sản chung và nhà ở chung:** chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

***Về các khoản nợ chung:** chị H, anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

*** Về án phí:** chị H phải nộp 300.000đồng án phí LHST theo quy định của pháp luật.

*** Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, điều 273 bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 Luật hôn nhân gia đình;
- Khoản 1 Điều 28 và các điều 35, 39, 147, khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

Xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Thu H.
Chị Trương Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Khánh T.
2. **Về con chung:** Giao con chung là Nguyễn Thành L, sinh ngày 23/12/2004 cho anh Nguyễn Khánh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành, đủ tròn 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác về quyền nuôi con. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung của chị H kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành, đủ tròn 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.
Chị H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.
3. **Về tài sản chung và nhà ở chung:** Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.
4. **Về các khoản nợ chung:** Anh, chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.
5. **Về án phí:** Chị Trương Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp tại biên lai số AA/2018/0005491 ngày 01/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.
6. **Về quyền kháng cáo:** Chị Trương Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Khánh T có quyền kháng cáo

bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Hoàng Mai;
- Chi cục thi hành án dân sự Q. Hoàng Mai;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Cúc

